

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Ngô Quốc Tiệp

2. Bà Lưu Thị Hồng Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐ-ST, ngày 20/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 9/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số 167 Ấp A, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Vào năm 2018 bà T và ông P kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2023 mà không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có

01 con chung tên gồm: Trần Thiên K, sinh ngày 14/5/2019 hiện cháu K đang sống chung với bà T. Nay về con chung bà T xin yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con cho bà T mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết. Tại Đơn xin Hoà giải và xét xử vắng mặt và yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/5/2024 bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà Tuyên nữa, chỉ yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung.

- Đối với bị đơn ông Trần Văn P thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà T được ly hôn với ông P. Về con chung giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thiên K, sinh ngày 14/5/2019 ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Còn bị đơn sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng các đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn P tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018 và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc sau đó vào năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2023 tới nay mà không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông P và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông P và bà T đã có với nhau có 01 con chung là cháu Trần Thiên K, sinh ngày 14/5/2019 hiện nay đang sống với bà T. Nay về con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu K hiện còn nhỏ, từ trước đến nay cháu K sống chung với bà T, do đó cần tiếp tục để cháu K được sống chung với mẹ và giao cháu Kg cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại Đơn xin Hoà giải và xét xử vắng mặt và yêu cầu thay đổi lại một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/5/2024 bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà T, chỉ yêu cầu được ly hôn và yêu cầu nuôi con chung. HĐXX xét thấy việc thay đổi lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đặt ra xem xét đối với nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông P.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Văn P.
- Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thiên K, sinh ngày 14/5/2019 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông P không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000643410296, ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

